

Số: 1774/TB-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả xét tuyển, Danh sách dự kiến thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Căn cứ Kế hoạch số 1029/KH-CĐKTCN ngày 10/6/2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-SNV ngày 21/8/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2026 thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Căn cứ Báo cáo số 1773/BC-HĐTD ngày 15/10/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức sự nghiệp về kết quả xét tuyển kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang thông báo niêm yết công khai Kết quả xét tuyển và Danh sách dự kiến 24 thí sinh trúng tuyển của kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2026, cụ thể như sau:

1. Bảng tổng hợp kết quả xét tuyển kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2026: (có bảng ghi tên, ghi điểm của các thí sinh tham gia xét tuyển kèm theo).

2. Danh sách dự kiến thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2026: (có danh sách dự kiến trúng tuyển kèm theo).

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang thông báo để các thí sinh được biết và thực hiện. Mọi giải quyết khiếu nại đề nghị phản hồi về Phòng Tổ chức – Tài chính từ ngày thông báo cho đến hết ngày 19/10/2026 (qua Số điện thoại: 0258.3881139). Mọi thông tin liên quan đề nghị truy cập tại Cổng thông tin điện tử Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang tại địa chỉ: <http://cdktcnnt.edu.vn> và được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa để báo cáo(VBĐT);
- Hội đồng tuyển dụng;
- Các đơn vị thuộc trường (VBĐT);
- Cổng thông tin điện tử Nhà trường;
- Các thí sinh tham gia kiểm tra sát hạch vòng 2;
- Lưu: VT, TCTC.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Văn Lực

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP NĂM 2026
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

(Kèm theo Thông báo số 1774 /TB-CDKTCN ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sur phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trì nh độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
1.	HC01	Nguyễn Thị Quý	12/05 /1995	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Quản trị kinh doanh		ĐH		01.0 03	Chuyên viên hành chính văn phòng	Phòng Tổ chức – Tài chính		50	55	52.5	52.5
2.	HC02	Cao Ngọc Hương	23/03 /1996	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Luật; QTKD	SP CĐ, TC	B2	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên hành chính văn phòng	Phòng Tổ chức – Tài chính		65	70	67.5	67.5
3.	HC03	Võ Thái	25/05 /1988	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Thạc sĩ	QTKD		Toiec 455	B	01.0 03	Chuyên viên hành chính văn phòng	Phòng Tổ chức – Tài chính		75	75	75.0	75.0
4.	HC04	Nguyễn Lê Hạnh	03/04 /2002	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Luật		B2	TH VP	01.0 03	Chuyên viên hành chính văn phòng	Phòng Tổ chức – Tài chính		30	35	32.5	32.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
5.	PC01	Nguyễn Quyết	Chiến	02/11/1995	Bắc Cam Ranh, Khánh Hoà	Đại học	Luật		Bậc 4	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác pháp chế	Phòng Tổ chức – Tài chính	50	55	52.5	52.5
6.	PC02	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/10/1998	Diên Lạc, Khánh Hoà	Đại học	Luật kinh tế		A2	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác pháp chế	Phòng Tổ chức – Tài chính	90	90	90.0	90.0
7.	PC03	Nguyễn Thị Việt	An	24/02/1989	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Thạc sĩ	Luật		ĐH	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác pháp chế	Phòng Tổ chức – Tài chính	60	65	62.5	62.5
8.	PC04	Trần Văn Bảo	Trung	19/02/1994	Xã Nam Cam Ranh, Khánh Hoà	Đại học	Luật		B1	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác pháp chế	Phòng Tổ chức – Tài chính	15	20	17.5	17.5
9.	PC05	Trịnh Thị	Sen	16/4/1992	Đình Tân, Thanh Hoá	Thạc sĩ	Luật		B1	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác pháp chế	Phòng Tổ chức – Tài chính	50	55	52.5	52.5
10.	KTV 01	Nguyễn Lê Vy	Hoàng	25/10/1994	Xã Diên Khánh, Khánh Hoà	Đại học	Tài chính- Ngân hàng		Toeic 415	UD CN TT CB	06.0 31	Làm công việc kế toán	Phòng Tổ chức – Tài chính	65	65	65.0	65.0

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
11.	KTV 02	Nguyễn Thị Hồng	09/07 /2000	Yên Hoà, Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán		Bậc 3	UD CN TT CB	06.0 31	Làm công việc kế toán	Phòng Tổ chức – Tài chính		0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)
12.	KH01	Nguyễn Hồ Khánh	02/09 /1987	Nha Trang, Khánh Hoà	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật xây dựng		C	B	01.0 03	Chuyên viên làm công tác Kế hoạch đầu tư	Phòng Đào tạo -Cơ sở vật chất		0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)
13.	KH02	Phan Đức	20/01 /1988	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Kỹ sư	Xây dựng		A2	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác Kế hoạch đầu tư	Phòng Đào tạo -Cơ sở vật chất		70	72	71.0	71.0
14.	KH03	Lê Nhật	30/10 /1992	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Quản trị kinh doanh		B	B	01.0 03	Chuyên viên làm công tác Kế hoạch đầu tư	Phòng Đào tạo -Cơ sở vật chất		75	75	75.0	75.0
15.	NN01	Phùng Hiền	16/01 /2004	Bắc Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Chứng chỉ tiếng Trung		V.09. 02.0 3	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		69.9	71.3	70.6	70.6
16.	NN02	Nguyễn Thanh Khả	22/05 /1997	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	ĐHSP	A2 tiếng Pháp	UD CN TT CB	V.09. 02.0 3	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		87.3	90.1	88.7	88.7

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
17.	NN03	Nguyễn Thị Hoàng	09/09 /1993	Diên Khánh, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	ĐH	ĐH, B tiếng Trung	A	V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		72.6	74	73.3	73.3
18.	NN04	Phan Như Quỳnh	30/09 /1996	Nha Trang, Khánh Hoà	Thạc sĩ	Tiếng anh	ĐHSP	Thạc sĩ, A tiếng Trung	A	V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		69	69	69.0	69.0
19.	NN05	Định Thị Khánh	10/01 /1998	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Ngôn ngữ anh	SP ĐH, CĐ	C1 tiếng Anh, chứng chỉ tiếng Trung B3	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		75.3	76.7	76.0	76.0
20.	NN06	Trịnh Phương Uyên	15/06 /2000	Nha Trang, Khánh Hoà	Thạc sĩ	Lý luận và PPDHB M tiếng Anh	SPCĐ TC	Bậc 2 tiếng Trung	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		89.5	86.7	88.1	88.1
21.	NN07	Nguyễn Khoa Tâm	23/02 /2002	Phường Bảo An, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	ĐH	C1 châu âu	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		72.5	73.9	73.2	73.2
22.	NN08	Nguyễn Hương	30/08 /2003	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	ĐHSP	Bậc 2 tiếng Trung		V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
23.	NN09	Nguyễn Thị Thanh	04/03 /1997	Bắc Ninh Hoà, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	ĐHSP		UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)
24.	NN10	Nguyễn Uyên Anh	12/10 /2003	Phường Ba Ngòi, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	ĐHSP	C1 châu Âu, B1 tiếng Pháp	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		72.4	72.4	72.4	72.4
25.	NN11	Huỳnh Tấn	07/08 /1992	Bắc Cam Ranh, Khánh Hoà	Đại học	tiếng Anh	SPĐH, CĐ	C2 tiếng Anh		V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		57.6	58.3	58.0	58.0
26.	NN12	Phan Nguyễn Linh	28/02 /1999	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Thạc sĩ	Lý luận và PPDHB M tiếng Anh	SPĐH, CĐ			V.09.02.03	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&ĐG KNNQ G		39.5	40.9	40.2	40.2
27.	VH01	Bùi Việt	29/8/ 1996	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	SP ngữ văn	ĐH	B	UD CN TT CB	V.07.05.15	Giảng dạy môn văn hoá THPT: môn văn học	Khoa Khoa học cơ bản		78	76.6	77.3	77.3

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
28.	VH02	Nguyễn Hoài	07/9/1985	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	SP ngữ văn	ĐH	Toiec 295	A	V.07.05.15	Giảng dạy môn văn hoá THPT: môn văn học	Khoa Khoa học cơ bản		64.6	63.2	63.9	63.9
29.	VH03	Lê Nguyễn Thái	26/07/1999	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm ngữ văn	ĐH	B1	UD CN TT CB	V.07.05.15	Giảng dạy môn văn hoá THPT: môn văn học	Khoa Khoa học cơ bản		84.9	85	85.0	85.0
30.	GD01	Võ Bá	12/08/1989	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Giáo dục thể chất	CCNV SPTD TT, SPN	B	TH VP	V.09.02.03	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất	Khoa SP&ĐG KNNQ G		76	77.8	76.9	76.9
31.	CN01	Trần Tuấn	21/03/2004	Diên Khánh, Khánh Hoà	Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô	SPCĐ TC	B1	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Công nghệ ô tô	Khoa Cơ khí		78.5	77.8	78.2	78.2
32.	CN02	Nguyễn Thành	05/04/1982	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật		B	B	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Công nghệ ô tô	Khoa Cơ khí	5	67.6	68.7	68.2	73.2
33.	CN03	Võ Bá	29/11/1995	Bắc Nha Trang, Khánh Hoà	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật ô tô	SPCĐ TC	Toiec	UD CN TT NC	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Công nghệ ô tô	Khoa Cơ khí		87.1	87.1	87.1	87.1

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
34.	CK01	Võ Trung Hiếu	02/03/2002	Thôn Quảng Phước, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	SPCĐ TC	A2	UD CN TT NC	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ khí		72.5	75	73.8	73.8
35.	CK02	Nguyễn Minh Chính	01/01/1999	Phước Hậu, Khánh Hòa	Kỹ sư	Công nghệ chế tạo máy	SPCĐ TC	CC Tiếng Anh Hội đồng Anh	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ khí		0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)	0 (vắng)
36.	LOG 01	Lê Hải Đông	29/11/2002	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Logistics	SPCĐ TC		UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Logistics	Khoa Du lịch – Môi trường		82.5	82.5	82.5	82.5
37.	LOG 02	Nguyễn Dương Tuấn	30/09/1999	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản trị kinh doanh	SPCĐ TC	B1	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Logistics	Khoa Du lịch – Môi trường		67	67.4	67.2	67.2
38.	ML01	Nguyễn Việt Tiên	14/7/1979	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Kỹ sư	Điện – Điện tử	SP ĐH, CĐ	B	B	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khoa Điện – Điện tử		73.8	75.5	74.7	74.7

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
39.	TC01	Nguyễn Nhật Vy	13/07 /1996	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Luật kinh tế	SPCĐ, TC	Bậc 4 tiếng Anh	UD CN TT NC	01.0 03	Chuyên viên làm công tác Tổ chức – Hành chính	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		95	90	92.5	92.5
40.	ĐT01	Phan Hồng Anh	18/07 /2001	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Quản trị du lịch lữ hành	SPCĐ, TC	A2 tiếng Anh	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác đào tạo chính	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		85	85	85.0	85.0
41.	ĐT02	Trần Hồ Thục Nhi	03/07 /1988	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Luật		B tiếng Anh	UD CN TT CB	01.0 03	Chuyên viên làm công tác đào tạo	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		85	90	87.5	87.5
42.	ĐT03	Huỳnh Ngọc Đức	03/01 /1998	Xã Khánh Vĩnh, Khánh Hoà	Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành		B1	Văn phòng	01.0 03	Chuyên viên làm công tác đào tạo	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		20	25	22.5	22.5
43.	LX01	Nguyễn Văn Quốc	25/08 /1980	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Kỹ thuật ô tô, bằng lái xe D2	Sp CĐ, TC	A	UD CN TT CB	V.09. 02.0 9	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	87.4	90.9	89.2	94.2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng	
44.	LX02	Nguyễn Văn	Hậu	10/03 /1993	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Trung cấp	KT Máy lạnh và ĐHKK, Bằng D2 lái xe	Sp CD, TC	B tiếng Anh	UD CN TT CB	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		54	50.5	52.3	52.3
45.	LX03	Nguyễn Minh	Nhật	01/11 /1971	Diên Thọ, Khánh Hoà	Cao đẳng, Giấy phép lái xe hạng E	Công nghệ ô tô	Bậc 1	B	UD CN TT CB	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	79.5	76	77.8	82.8
46.	LX04	Nguyễn Đông	Hung	25/01 /1974	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học, Giấy phép lái xe hạng D, KNN bậc 1	Kinh tế	Bậc 2	B	B	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	88.1	84.6	86.4	91.4
47.	LX05	Nguyễn Quốc	Hung	27/09 /1985	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Kỹ thuật ô tô, bằng lái xe hạng D	Bậc 2	A	A	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	83.2	86	84.6	89.6

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng	
48.	LX06	Vũ Duy	Tuyển	01/01/1981	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Cao đẳng	Công nghệ ô tô, bằng lái xe hạng C	SPN	A	UD CN TT CB	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	84.6	88.1	86.4	91.4
49.	LX07	Phan Văn	Khang	12/07/1973	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học, giấy phép lái xe hạng D, CCKN N ô tô bậc 1	Quản trị kinh doanh	SDN	B	A	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	70.4	73.2	71.8	76.8
50.	LX08	Trương Văn	Hiền	03/06/1982	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học, giấy phép lái xe hạng E	Kỹ thuật ô tô	SP CĐ, TC	B	UD CN TT CB	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	88.2	91	89.6	94.6
51.	LX09	Lê Minh	Phúc	05/7/1987	Ninh Hoà, Khánh Hoà	Cao đẳng nghệ. giấy phép lái xe B2	Công nghệ ô tô	SDN sơ cấp			V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		52	54.8	53.4	53.4

Danh sách có 51 thí sinh

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP NĂM 2026
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

(Kèm theo Thông báo số 1774/TB-CDKTCN ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
1.	HC03	Võ Thái	Tĩnh	25/05/1988	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Thạc sĩ	QTKD	Toiec 455	B	01.003	Chuyên viên hành chính văn phòng	Phòng Tổ chức – Tài chính		75	75	75.0	75.0
2.	PC02	Nguyễn Thị Yên	Nhi	29/10/1998	Diên Lạc, Khánh Hoà	Đại học	Luật kinh tế	A2	UD CN TT CB	01.003	Chuyên viên làm công tác pháp chế	Phòng Tổ chức – Tài chính		90	90	90.0	90.0
3.	KTV 01	Nguyễn Lê Vy	Hoàng	25/10/1994	Xã Diên Khánh, Khánh Hoà	Đại học	Tài chính- Ngân hàng	Toeic 415	UD CN TT CB	06.031	Làm công việc kế toán	Phòng Tổ chức – Tài chính		65	65	65.0	65.0

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trì nh độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
4.	KH03	Lê Nhật	Trường	30/10 /1992	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B	01.00 3	Chuyên viên làm công tác Kế hoạch đầu tư	Phòng Đào tạo - Cơ sở vật chất		75	75	75.0	75.0
5.	NN02	Nguyễn Thanh Khả	Tú	22/05 /1997	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	ĐHSP	A2 tiếng Pháp	UD CN TT CB	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&Đ GKN NQG		87.3	90.1	88.7	88.7
6.	NN06	Trịnh Phương	Uyên	15/06 /2000	Nha Trang, Khánh Hoà	Thạc sĩ	Lý luận và PPDHB M tiếng Anh	SPCĐ TC	Bậc 2 tiếng Trung	UD CN TT CB	Giảng dạy ngoại ngữ	Khoa SP&Đ GKN NQG		89.5	86.7	88.1	88.1
7.	VH03	Lê Nguyễn Thái	Vy	26/07 /1999	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Sư phạm ngữ văn	ĐH	B1	UD CN TT CB	Giảng dạy môn văn hoá THPT: môn văn học	Khoa Khoa học cơ bản		84.9	85	85.0	85.0
8.	GD01	Võ Bá	Phước	12/08 /1989	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Giáo dục thể chất	CCNV SPTD TT, SPN	B	TH VP	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất	Khoa SP&Đ GKN NQG		76	77.8	76.9	76.9
9.	CN01	Trần Tuấn	Dương	21/03 /2004	Diên Khánh, Khánh Hoà	Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô	SPCĐ TC	B1	UD CN TT CB	Giảng dạy nghề Công nghệ ô tô	Khoa Cơ khí		78.5	77.8	78.2	78.2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
10.	CN03	Võ Bá Thành	29/11/1995	Bắc Nha Trang, Khánh Hoà	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật ô tô	SPCĐ TC	Toieic	UD CN TT NC	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Công nghệ ô tô	Khoa Cơ khí		87.1	87.1	87.1	87.1
11.	CK01	Võ Trung Hiếu	02/03/2002	Thôn Quảng Phước, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	SPCĐ TC	A2	UD CN TT NC	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ khí		72.5	75	73.8	73.8
12.	LOG 01	Lê Hải Đông	29/11/2002	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Logistics	SPCĐ TC		UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Logistics	Khoa Du lịch – Môi trường		82.5	82.5	82.5	82.5
13.	LOG 02	Nguyễn Dương Tuấn	30/09/1999	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Quản trị kinh doanh	SPCĐ TC	B1	UD CN TT CB	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Logistics	Khoa Du lịch – Môi trường		67	67.4	67.2	67.2
14.	ML01	Nguyễn Việt Tiên	14/7/1979	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Kỹ sư	Điện – Điện tử	SP ĐH, CĐ	B	B	V.09.02.03	Giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khoa Điện – Điện tử		73.8	75.5	74.7	74.7

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng
15.	TC01	Nguyễn Nhật Vy	13/07 /1996	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Luật kinh tế	SPCĐ, TC	Bậc 4 tiếng Anh	UD CN TT NC	01.00 3	Chuyên viên làm công tác Tổ chức – Hành chính	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		95	90	92.5	92.5
16.	ĐT01	Phan Hồng Anh	18/07 /2001	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Quản trị du lịch lữ hành	SPCĐ, TC	A2 tiếng Anh	UD CN TT CB	01.00 3	Chuyên viên làm công tác đào tạo chính	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		85	85	85.0	85.0
17.	ĐT02	Trần Hồ Thục	03/07 /1988	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Luật		B tiếng Anh	UD CN TT CB	01.00 3	Chuyên viên làm công tác đào tạo	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới		85	90	87.5	87.5
18.	LX01	Nguyễn Văn Quốc	25/08 /1980	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Kỹ thuật ô tô, bằng lái xe D2	Sp CĐ, TC	A	UD CN TT CB	V.09. 02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	87.4	90.9	89.2	94.2
19.	LX03	Nguyễn Minh Nhật	01/11 /1971	Diên Thọ, Khánh Hoà	Cao đẳng, Giấy phép lái xe hạng E	Công nghệ ô tô	Bậc 1	B	UD CN TT CB	V.09. 02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	79.5	76	77.8	82.8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng	
20.	LX04	Nguyễn Đông	Hung	25/01/1974	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học, Giấy phép lái xe hạng D, KNN bậc 1	Kinh tế	Bậc 2	B	B	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	88.1	84.6	86.4	91.4
21.	LX05	Nguyễn Quốc	Hung	27/09/1985	Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học	Kỹ thuật ô tô, bằng lái xe hạng D	Bậc 2	A	A	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	83.2	86	84.6	89.6
22.	LX06	Vũ Duy	Tuyển	01/01/1981	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Cao đẳng	Công nghệ ô tô, bằng lái xe hạng C	SPN	A	UD CN TT CB	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	84.6	88.1	86.4	91.4
23.	LX07	Phan Văn	Khang	12/07/1973	Nam Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học, giấy phép lái xe hạng D, CCKN	Quản trị kinh doanh	SDN	B	A	V.09.02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	70.4	73.2	71.8	76.8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu Thường trú	Trình độ	Chuyên môn	Trình độ Sư phạm	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch của giám khảo 01	Điểm sát hạch của giám khảo 02	Điểm sát hạch trung bình	Điểm tổng cộng	
					N ô tô bậc 1													
24.	LX08	Trương Văn	Hiền	03/06 /1982	Tây Nha Trang, Khánh Hoà	Đại học, giấy phép lái xe hạng E	Kỹ thuật ô tô	SP CĐ, TC	B	UD CN TT CB	V.09. 02.09	Giảng dạy lái xe ô tô	Trung tâm ĐTLX ô tô – Cơ giới	5	88.2	91	89.6	94.6

Danh sách có 24 thí sinh.